

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 22/01/ 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Mộng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 15/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa 03/2018/QĐST-DS ngày 26/12/2018.

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện P, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công L, sinh năm 1971. (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố 5, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2018, biên bản hòa giải ngày 12/9/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Trần Văn H trình bày:

Từ đầu năm 2012 anh Nguyễn Công L thường hay mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của anh H gồm các mặt hàng: xi măng, sắt, thép, gạch men. Khi mua bán hai bên có thỏa thuận khoảng 2 đến 3 tháng cộng sổ và thanh toán tiền hàng dứt điểm một lần, cho đến ngày 28/01/2016 anh H với anh L cộng sổ để thanh toán tiền nợ thì anh L đã ký sổ nợ tiền vật liệu tại cửa hàng anh H là 111.000.000 đồng. Anh L có thỏa thuận 15 đến 20 ngày sau sẽ trả hết số tiền nợ này. Nhưng đến thời hạn thỏa thuận anh H đến lấy tiền thì anh L hẹn vài ngày, sau đó anh L đưa anh H sang nhà anh T, chị G để lấy tiền, anh T, chị G có trả cho anh H 02 lần với số tiền 45.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 08/6/2016 trả 20.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 25/9/2016 trả 25.000.000 đồng.

Anh H cho rằng số tiền nợ vật liệu này là do anh L đứng ra mua cho anh T, chị G (là anh rể của anh L). Việc đó anh H hoàn toàn không biết, anh H chỉ biết rằng anh L là người trực tiếp đứng ra mua hàng và ký sổ nợ tại cửa hàng, nên anh H yêu cầu anh L phải chịu trách nhiệm trả số tiền nợ còn lại là 60.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/9/2018 phía bị đơn trình bày: Trước đây anh L thường hay chở vật liệu xây dựng cho nhiều người tại cửa hàng anh H. Sau khi chở vật liệu xây dựng xong có người thanh toán tiền cho anh L để anh L trả cho anh H, có người trực tiếp trả cho anh H. Liên quan đến số tiền 111.000.000 đồng anh L đứng ra ký sổ với anh H là nhận nợ tha cho anh T và chị G. Anh chỉ đứng ra ký sổ giúp còn giữa anh H và anh T, chị G tự liên lạc để trả tiền với nhau. Ngày 28/01/2016 anh L chốt sổ nợ với anh H. Trong năm 2016 anh H có sang nhà anh L để lấy tiền nên anh L có dẫn anh H sang nhà anh T, chị G hai lần, tổng cộng số tiền anh T chị G trả cho anh H là 45.000.000 đồng, còn lại 66.000.000 đồng từ đó đến nay anh L nghĩ rằng anh T, chị G đã trả hết tiền cho anh H. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án anh L mới biết được sự việc. Anh L cho rằng: giữa anh L với anh H có thỏa thuận miệng là anh H có trách nhiệm lấy số tiền 111.000.000 đồng tại anh T, chị G. Nên anh không chấp nhận việc anh H khởi kiện anh số tiền 66.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H khởi kiện anh Nguyễn Công L, trú tại: khu phố 5, phường 2, thị xã Q, thanh toán cho anh H số tiền còn nợ 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu đồng) trong quá trình mua bán vật liệu xây dựng là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã Q, quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Theo anh H trình bày: ngày 28/01/2016 anh H và anh L đã thống nhất viết giấy nhận nợ 111.000.000 đồng, nội dung ghi “L còn nợ lại cho anh T 111.000.000 đồng” vào sổ ghi nợ của anh H.

Sau nhiều lần anh H gặp anh L để yêu cầu trả khoản nợ 111.000.000 đồng. Vào ngày 08/6/2016 anh H đã đến nhà anh L đòi nợ thì anh L dẫn anh H sang nhà anh T, chị G để lấy tiền thì vợ chồng anh T chị G có trả 20.000.000 đồng, cũng như lần trước ngày 25/9/2016 anh L dẫn anh H sang nhà anh T, chị G lấy tiền thì anh T chị G có trả cho anh H 25.000.000 đồng. Từ đó đến nay anh H đến gặp anh L để lấy tiền thì anh L không trả. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu anh L phải trả khoản tiền còn lại 66.000.000 đồng mà anh L còn nợ.

Anh L cho rằng: Trước đây anh là lái xe chở vật liệu xây dựng và thường xuyên chở vật liệu ở đại L của anh H. Anh có chở cho nhà anh T chị G và có xác nhận nợ cho anh T chị G là 111.000.000 đồng tại sổ nợ anh H. Anh L cho rằng anh H phải tự đi thu nợ chứ anh không chịu trách nhiệm khoản nợ đó.

Hội đồng xét xử xét thấy: việc mua bán vật liệu xây dựng giữa anh L với anh H là có thật, ngày 28/01/2016 anh L quyết toán còn nợ lại 111.000.000 đồng, anh L đã ghi và ký tên vào giấy nhận nợ “L còn nợ lại cho anh T 111.000.000đ”. Thông qua anh L, ngày 08/6/2016 anh T, chị G trả 20.000.000 đồng và ngày 25/9/2016 trả 25.000.000 đồng cho anh H, số tiền còn lại 66.000.000 đồng anh H yêu cầu anh L phải trả vì anh L là người xác nhận nợ thay cho anh T chứ không phải anh T nhận nợ. Nên việc anh H khởi kiện yêu cầu anh Lý phải trả 66.000.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận. Còn anh L cho rằng anh chỉ xác nhận nợ thay cho anh T, còn anh H phải trực tiếp đến gặp anh T chị G để lấy nợ là không có căn cứ. Bởi vì việc giao dịch mua bán ở đây là giữa anh H và anh L, còn anh L chở cho ai anh H không biết. Anh L là người trực tiếp nhận nợ thì phải chịu trách nhiệm trả nợ. Còn anh L cho rằng số tiền 111.000.000 chỉ xác nhận nợ cho anh T chị G, Tuy nhiên, tại phiên Tòa anh L không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho khoản nợ 66.000.000 đồng anh T chị G đã thanh toán cho anh H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trách nhiệm trả nợ cho anh H thuộc về anh L, còn giữa anh L và anh T chị G không liên quan trong vụ án này.

Căn cứ Điều 430, 434, 440 của Bộ luật dân sự, anh Nguyễn Công L và anh Trần Văn H đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản là vật liệu xây dựng nên làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa bên mua và bên bán. Vì vậy, số tiền nợ chưa thanh toán còn lại 66.000.000 đồng anh L có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh H.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc phía bị đơn là anh Nguyễn Công L thanh toán cho nguyên đơn là anh Trần Văn H số tiền còn thiếu 66.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H đối với anh Nguyễn Công L.

2. Buộc anh Nguyễn Công L thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng cho anh Trần Văn H số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả, thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Công L phải chịu 3.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000 đồng theo biên lai số 0000528 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hạnh

